TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu, bà Lê Thị Minh Khánh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 02/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXX-ST ngày 15/12/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-ST ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1985.
Nơi cư trú : Khu T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
(Xin xét xử vắng mặt)
* Bị đơn: Anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H), sinh năm: 1973.
Nơi cư trú: Số nhà 93, cụm 034, phố S, phường N, khu B, thành phố Đ, lãnh thổ Đài Loan.
(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đi xuất khẩu lao dộng tại Đài Loan, trong thời gian làm việc tại Đài Loan chị quen biết anh THÁI THỤC H (TSAI, SHU-H). Sau

một thời gian tìm hiểu giữa chị và anh TSAI, SHU-H nảy sinh tình cảm và đi đến hôn nhân. Chị và anh TSAI, SHU-H đăng ký kết hôn ngày 31/12/2003 tại UBND tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương tại thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới được 10 ngày thì chị làm thủ tục để xuất cảnh sang Đài Loan và chung sống với nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc và có 01 con chung. Sau khi sinh con xong chị ở nhà chăm con cuộc sống kinh tế vợ chồng khó khăn nên vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, văn hóa và mâu thuẫn giữa chị với gia đình nhà chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân nên đến tháng 01/2006 chị đã đưa con gái về Việt Nam sinh sống. Từ đó đến nay chị không liên lạc gì với anh TSAI, SHU-H nữa. Nay xác định tình cảm không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh TSAI, SHU-H.

- Về con chung: Chị và anh TSAI, SHU-H có 1 con chung là Hoàng Thị Quỳnh D (tên khác theo ngôn ngữ Đài Loan là Thái Hân N), sinh ngày 11/12/2004, đang sống cùng chị. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi làm việc ở xa nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh TSAI, SHU-H được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh TSAI, SHU-H. Chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

* Bị đơn là anh TSAI, SHU-H có địa chỉ tại Đài Loan, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 26/UTTPDS-TA5 ngày 01/4/2020 gửi Bộ Tư pháp về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật (Hồ sơ ủy thác tư pháp số 27/UTTPDS-TA5 ngày 01/4/2020).

Tại công văn số 3415/BTP-PLQT ngày 31/12/2020 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: *"Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1090067256 ngày 03/12/2020 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 26/UTTPDS-TA5 ngày 01/4/2020 đối với đương sự* TSAI, SHU-H (THÁI THỤC

H) *có địa chỉ tại lãnh thổ Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 19/11/2020 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự.*

Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo để Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền".

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh TSAI, SHU-H (THÁI THỤC H) không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, anh TSAI, SHU-H (THÁI THỤC H) cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh TSAI, SHU-H (THÁI THỤC H) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Hoàng Thị T; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì chị Hoàng Thị T chấp hành đúng quy định pháp luật, anh TSAI, SHU-H (THÁI THỤC H) không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh TSAI, SHU-H (THÁI THỤC H);

+ Về con chung hiện đang ở với chị Hoàng Thị T nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Hoàng Thị Quỳnh D (tên khác theo Đài Loan là Thái Hân N), sinh ngày 11/12/2004 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng; anh TSAI, SHU-H (THÁI THỤC H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T không yêu cầu cấp dưỡng;

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Hoàng Thị T khai không có nên đề nghị HĐXX không giải quyết;

+ Về chi phí tố tụng: chị Hoàng Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T là công dân Việt Nam, cư trú tại khu T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H). Anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) là công dân có quốc tịch: Trung Quốc hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cư trú tại địa chỉ: Số nhà 93, cụm 034, phố S, phường N, khu B, thành phố Đ, lãnh thổ Đài Loan. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H).

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Hoàng Thị T và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 31/12/2003. Do vậy HĐXX xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới được 10 ngày thì chị Hoàng Thị T và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) lại làm thủ tục để xuất cảnh sang Đài Loan và chung sống với gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc và có 01 con chung. Sau khi sinh con xong chị Hoàng Thị T ở nhà chăm con, cuộc sống kinh tế vợ chồng khó khăn nên bắt đầu mâu thuẫn. Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng quan điểm sống, văn hóa và mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị T với gia đình nhà chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân nên đến tháng 01/2006 chị Hoàng Thị T đã đưa con gái về Việt Nam sinh sống. Từ đó đến nay hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị Hoàng Thị T xác định tình cảm vợ chồng với anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị T và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) là hợp pháp. Hiện nay anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) và chị Hoàng Thị T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc.Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Hoàng Thị T, anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) được xác định là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H).

[4]. Về con chung:

[4.1]. Trong thời gian chung sống chị Hoàng Thị T và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) có 1 con chung là Hoàng Thị Quỳnh D (tên khác theo Đài Loan là Thái Hân N), sinh ngày 11/12/2004 năm đang sống cùng chị Hoàng Thị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh TSAI, SHU-H cấp dưỡng nuôi con.

[4.2]. HĐXX thấy: chị Hoàng Thị T có đủ điều kiện để nuôi con chung. Thực tế từ tháng 01/2006 đến nay chị Hoàng Thị T vẫn nuôi con và cháu phát triển ổn định bình thường. Cháu Hoàng Thị Quỳnh D có nguyện vọng được ở với chị Hoàng Thị T khi bố, mẹ ly hôn. Vì vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống, quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 01 con chung là Hoàng Thị Quỳnh D (tên khác theo Đài Loan là Thái Hân N), sinh ngày 11/12/2004 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T không yêu cầu.

[4.4]. Các quyền, nghĩa vụ khác đối với con chung:

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) có nguyện vọng nuôi

con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Hoàng Thị T khai chị và anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000778 ngày 14/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H).

2. Về con chung: giao 01 con chung là Hoàng Thị Quỳnh D (tên khác theo Đài Loan là Thái Hân N), sinh ngày 11/12/2004 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000638 ngày 01/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000778 ngày 14/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh TSAI, SHU-H (tức THÁI THỤC H) cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Hoàng Thị T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn C, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ong Thân Thắng